

## Chương 8

# TÀI CHÍNH QUỐC TẾ





# NỘI DUNG

**1** Cơ sở hình thành và phát triển

**2** Tỷ giá hối đoái

**3** Cán cân thanh toán quốc tế

**4** Các định chế tài chính quốc tế





# 1. Cơ sở hình thành và phát triển của TCQT

- ❖ Tài chính quốc tế là tổng thể các quan hệ kinh tế dưới hình thức giá trị gắn liền với sự chuyển dịch các nguồn lực tài chính quốc tế.
- ❖ Tài chính quốc tế ra đời và phát triển trên cơ sở các quan hệ kinh tế quốc tế, cụ thể:
  - Sự phân công lao động và hợp tác quốc tế
  - Sự phát triển các hoạt động đầu tư quốc tế





# 1. Cơ sở hình thành và phát triển của TCQT

- ❖ Tài chính quốc tế gắn liền với sự phát triển của các quan hệ kinh tế quốc tế, nhưng tài chính quốc tế có tác động mạnh mẽ đối với sự phát triển kinh tế quốc tế:
  - Tạo điều kiện mở rộng và tăng cường các quan hệ trao đổi hợp tác quốc tế
  - Tạo cơ hội phát triển kinh tế quốc tế: trao đổi vốn, công nghệ, hàng hóa
  - Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài



## 2. Tỷ giá hối đoái

- ❖ Khái niệm tỷ giá hối đoái
- ❖ Các phương pháp niêm yết tỷ giá hối đoái
- ❖ Vai trò của tỷ giá hối đoái
- ❖ Hệ thống chế độ tỷ giá hối đoái
- ❖ Các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái





## 2.1. Khái niệm tỷ giá hối đoái

- ❖ **Ngoại tệ:** là đồng tiền của các quốc gia được lưu thông trên thị trường quốc tế (tiền mặt hay số dư trên tài khoản ngân hàng)
- ❖ **Ngoại hối:** là phạm trù rộng hơn so với ngoại tệ, ngoại hối bao gồm:
  - Ngoại tệ
  - Các giấy tờ có giá ghi bằng ngoại tệ
  - Vàng tiêu chuẩn quốc tế
  - Đồng tiền quốc gia do người không cư trú nắm giữ.





## 2.1. Khái niệm tỷ giá hối đoái

❖ **Hối đoái (Exchange):** là sự chuyển đổi từ đồng tiền này sang đồng tiền khác

Ví dụ: chuyển đổi từ đồng Việt Nam (VND) sang dollar Mỹ (USD)

□ Sự chuyển đổi này phải theo một tỷ lệ nhất định giữa hai đồng tiền





## 2.1. Khái niệm tỷ giá hối đoái

### ❖ Tỷ giá hối đoái:

- Là giá cả của một đồng tiền được biểu thị thông qua đồng tiền khác
- Là hệ số quy đổi giữa các đồng tiền với nhau

Ví dụ:  $1\text{USD} = 18.980\text{ VND}$ , có nghĩa là giá của USD được biểu thị thông qua VND và 1USD có giá là 18.980 VND.







## 2.1. Khái niệm tỷ giá hối đoái

### ❖ Cách viết tỷ giá:

- Cách viết đầy đủ:  $1\text{USD} = 18.900\text{ VND}$
- Cách viết ngắn gọn:  $\text{USD}/\text{VND} = 18.900$
- Đồng tiền đứng trước (USD) là đồng tiền yết giá, có lượng đơn vị cố định
- Đồng tiền đứng sau (VND) là đồng tiền định giá, có lượng đơn vị thay đổi





## 2.2. Phương pháp yết giá

- ❖ Có hai phương pháp yết giá:
  - Yết giá trực tiếp: là phương pháp biểu thị giá trị 1 đơn vị ngoại tệ thông qua một số lượng nội tệ nhất định (yết giá ngoại tệ, định giá nội tệ)

Ví dụ: Tại Tokyo  $\text{USD/JPY} = 112,56$

Tại Singapore  $\text{USD/SGD} = 1,4560$

Tại Việt Nam  $\text{USD/VND} = 16150$





## 2.2. Phương pháp yết giá

- Yết giá gián tiếp: là phương pháp biểu thị giá trị 1 đơn vị nội tệ thông qua một số lượng ngoại tệ nhất định (yết giá nội tệ, định giá ngoại tệ)

Ví dụ: Tại London:  $\text{GBP/USD} = 1,5897$

Tại Newyork:  $\text{USD/JPY} = 112,56$





## 2.3. Vai trò của tỷ giá hối đoái

- ❖ Tỷ giá hối đoái và hoạt động thương mại quốc tế:
  - Sự biến động của tỷ giá hối đoái làm thay đổi sức mua của hai đồng tiền □ thay đổi giá cả hàng hóa xuất, nhập khẩu □ thay đổi quy mô thương mại quốc tế.





## 2.3. Vai trò của tỷ giá hối đoái

Ví dụ: Đồng tiền nội tệ mất giá

- Tại thời điểm (t):  $\text{USD/VND} = 18.000$

1 lô hàng có giá 18 tỷ VND bán trên thị trường quốc tế được 1 triệu USD

- Tại thời điểm (t+1):  $\text{USD/VND} = 19.000$

Lô hàng đó khi bán trên thị trường quốc tế thì giá chỉ còn khoảng 0,947 triệu USD

□ Hàng VN trở nên rẻ hơn □ khuyến khích xuất khẩu





## 2.3. Vai trò của tỷ giá hối đoái

- ❖ Tỷ giá hối đoái và lạm phát, tăng trưởng kinh tế và việc làm

Ví dụ: Khi mất giá đồng nội tệ  $\rightarrow$  xuất khẩu tăng  $\rightarrow$  thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển  $\rightarrow$  tạo thêm công ăn việc làm (thất nghiệp giảm)

Tuy nhiên khi đồng nội tệ mất giá  $\rightarrow$  giá NVL nhập khẩu tăng  $\rightarrow$  giá thành tăng  $\rightarrow$  lạm phát tăng





## 2.4. Hệ thống chế độ TGHĐ

### ❖ Hệ thống tỷ giá hối đoái cố định:

- **Chế độ bản vị vàng:** mỗi quốc gia sẽ xác lập hàm lượng vàng trong đơn vị tiền giấy của họ. Từ đó, tỷ lệ trao đổi giữa các đơn vị tiền giấy được xác định trên cơ sở so sánh thông qua hàm lượng vàng mà mỗi đồng tiền chứa đựng.





## 2.4. Hệ thống chế độ TGHĐ

Ví dụ: Trước 1914:

1 USD = 1,5g vàng

1 GBP = 7,3g vàng

▣  $\text{GBP/USD} = 7,3/1,5 = 4,87$  (tỷ lệ GBP/USD được gọi là đồng giá vàng)

▣ Trên thực tế tỷ giá luôn biến động xoay quanh đồng giá vàng tùy theo quan hệ cung cầu ngoại hối trên thị trường.



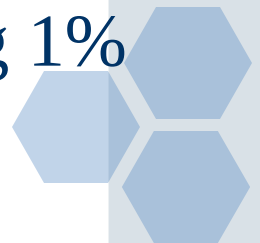




## 2.4. Hệ thống chế độ TGHĐ

- **Chế độ Bretton Woods:** Giá trị của mỗi đồng tiền được diễn đạt bằng hàm lượng vàng chứa trong mỗi đơn vị tiền tệ, nhưng chỉ có Dollar Mỹ là có khả năng hoán đổi ra vàng ở mức giá 35 USD đổi 1 ounce vàng.

Tỷ giá được xác định trên cơ sở so sánh hàm lượng vàng của USD là 0,888671 g vàng với đồng tiền nước khác, được phép biến động 1%





## 2.4. Hệ thống chế độ TGHĐ

### ❖ Hệ thống tỷ giá hối đoái thả nổi:

- **Chế độ tỷ giá thả nổi hoàn toàn:** xác lập tỷ giá theo quan hệ cung cầu ngoại tệ trên thị trường.

Khi xuất khẩu tăng làm tăng cung ngoại tệ, đồng tiền ngoại tệ giảm giá và ngược lại.

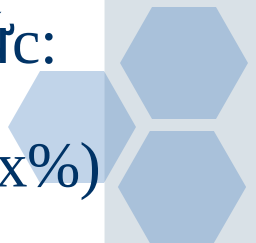




## 2.4. Hệ thống chế độ TGHĐ

### ▪ **Chế độ tỷ giá thả nổi có kiểm soát:**

- Gắn với đồng tiền dự trữ : đồng tiền của quốc gia được gắn với đồng ngoại tệ mạnh. Quốc gia thực hiện chế độ tỷ giá này sẽ phải nắm giữ đồng tiền nước ngoài làm đồng tiền dự trữ để bảo vệ giá trị đồng nội tệ của mình.
- Giới hạn biên độ giao dịch: Cho phép tỷ giá giao dịch trên thị trường biến động trong một biên độ mà ngân hàng trung ương công bố, xác định theo công thức:  
Tỷ giá giao dịch = tỷ giá chính thức  $(1 \pm \text{biên độ } x\%)$





## 2.5. Các nhân tố tác động đến TGHĐ

- ❖ Cán cân thanh toán quốc tế: thể hiện tình hình thu – chi thực tế bằng ngoại tệ của một nước so với các nước khác trong quan hệ giao dịch quốc tế lẫn nhau.
  - Khi bội thu  $\rightarrow$  cung ngoại tệ tăng  $\rightarrow$  ngoại tệ mất giá  $\rightarrow$  nội tệ lên giá
  - Khi bội chi  $\rightarrow$  cầu ngoại tệ tăng  $\rightarrow$  ngoại tệ lên giá  $\rightarrow$  nội tệ mất giá





## 2.5. Các nhân tố tác động đến TGHĐ

- ❖ Lạm phát: đồng tiền của nước có lạm phát cao sẽ mất giá so với đồng tiền của nước có lạm phát thấp
- ❖ Lãi suất:
  - Khi lãi suất nội tệ cao hơn lãi suất ngoại tệ → gia tăng chuyển hóa lượng ngoại tệ trong nước sang đồng nội tệ để hưởng lãi suất cao → cung ngoại tệ tăng → đồng ngoại tệ giảm giá, nội tệ tăng giá và ngược lại.





## 2.5. Các nhân tố tác động đến TGHD

### ❖ Các yếu tố khác:

- Chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ: khi CP thay đổi chính sách vĩ mô → thay đổi các chỉ số về tốc độ tăng trưởng, bội chi ngân sách... → thay đổi tỷ giá hối đoái
- Tâm lý: sự phán đoán của thị trường về các hiện tượng kinh tế, chính trị ... → thay đổi tỷ giá hối đoái...





## 3. Cán cân thanh toán quốc tế

### ❖ Khái niệm:

- Là bảng cân đối kế toán ghi chép toàn bộ các giao dịch dưới hình thức giá trị giữa một quốc gia với các quốc gia khác trên thế giới trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm.
- Tùy theo yêu cầu quản lý, có thể lập:
  - Cán cân thanh toán song phương
  - Cán cân thanh toán đa phương
  - Cán cân thanh toán khu vực





### 3. Cán cân thanh toán quốc tế

- ❖ Các khoản mục chính của cán cân thanh toán quốc tế:
  - Cán cân ngoại thương: phản ánh giao dịch XNK hàng hóa thể hiện khả năng cạnh tranh của sản phẩm quốc gia, sự thích ứng nhu cầu của thị trường thế giới.
  - Cán cân dịch vụ: bao gồm những hoạt động thu chi về dịch vụ cơ bản như du lịch, vận tải, tài chính NH....
  - Cán cân chuyển tiền không hoàn trả: bao gồm viện trợ không hoàn lại, chuyển tiền kiều hối, các khoản biếu tặng, chuyển lợi nhuận...





### 3. Cán cân thanh toán quốc tế

- Cán cân vãng lai: bao gồm cán cân ngoại thương, dịch vụ và chuyển tiền đơn phương □ phản ánh đầy đủ hoạt động giao dịch quốc tế của một nước □ ảnh hưởng trực tiếp đến cung cầu ngoại tệ, đồng thời đo lường quy mô tiêu dùng và chiều hướng vay nợ quốc tế.
- Cán cân nguồn vốn: phản ánh sự dịch chuyển các nguồn vốn như nguồn vốn FDI, nguồn vốn đầu tư gián tiếp, nguồn vốn tín dụng...





## 4. Các định chế TCQT

- ❖ IMF
- ❖ World Bank Group
- ❖ Asian Development Bank – ADB





## 4.1. IMF (International Monetary Fund)

- ❖ Thành lập vào tháng 7/1944, chính thức đi vào hoạt động vào tháng 5/1946, có trụ sở đặt tại Washington.
- ❖ Chức năng của IMF:
  - Xúc tiến hợp tác tiền tệ quốc tế thông qua định chế thường trực và cung cấp cơ chế tư vấn về tiền tệ quốc tế cho các thành viên
  - Tạo điều kiện mở rộng và phát triển thương mại QT
  - Đẩy mạnh sự ổn định tỷ giá
  - Thành lập hệ thống thanh toán đa phương trong giao dịch tiền tệ giữa các thành viên



## 4.1. IMF (International Monetary Fund)

### ❖ Hình thức tài trợ:

- Tài trợ đối phó với những bất ngờ và bù đắp
- Cho vay dự trữ hàng hóa
- Tài trợ mở rộng
- Điều chỉnh cấu trúc
- Tài trợ chuyển đổi hệ thống chính trị





## 4.2. World Bank Group

### ❖ Bao gồm:

- Ngân hàng tái cấu trúc và phát triển quốc tế (IBRD)
- Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA)
- Công ty tài chính quốc tế (IFC)





## 4.2. World Bank Group

	IMF	WB
Đặc tính	Định chế tiền tệ	Định chế phát triển
Chức năng	Ổn định hệ thống tiền tệ, tài trợ sự thiếu hụt tạm thời của cán cân thanh toán	Xúc tiến phát triển kinh tế, tài trợ phát triển kinh tế
Thời gian	Ngắn hạn	Dài hạn
Nguồn tài chính	Dự trữ chính thức và tiền tệ của các nước thành viên	Những khoản nợ trên thị trường vốn quốc tế
Tín dụng cung cấp	Tất cả các thành viên	Những quốc gia đang phát triển





## 4.3. ADB

- ❖ Thành lập năm 1966, có trụ sở đặt tại Philippines
- ❖ Mục đích: giảm nghèo ở các nước Châu Á – TBD
- ❖ Chức năng:
  - Hỗ trợ hoạch định và điều phối các kế hoạch phát triển
  - Trợ giúp kỹ thuật trong một số dự án cụ thể
  - Thúc đẩy đầu tư
  - Cung cấp viện trợ không hoàn lại để chuẩn bị cho các khoản vay phát triển dài hạn
  - Cung cấp nghiên cứu và hỗ trợ quản lý





**HẾT CHƯƠNG 8!**

